CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI HỢP PHÁT	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 03../2026/CV-HP	*Hà Nội, ngày 9 tháng 4 năm 2026*
(V/v: Công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)	

Kính gửi: Sở Xây dựng Hà Nội

Căn cứ Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ xây dựng.

Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Hợp Phát công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng như sau:

1. Thông tin về tổ chức hoạt động thí nghiệm:

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Hợp Phát;
- ĐKKD số 0102668815 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 06/3/2008, thay đổi lần 5 ngày 09/5/2025.
- Địa chỉ: Nhà M3-2 Khu B Tập thể trường đại học Mỏ địa chất, phường Đông Ngạc, Tp. Hà Nội
- VPGD: Số 119 Nguyễn Xiển, phường Khương Đình, Tp. Hà Nội.
- Email: Pkt.hopphat@gmail.com
  Lasxd24.136@gmail.com
- Wedsite: hopphat.info
- Điện thoại: 0243 55 76 924
- Tên phòng thí nghiệm: Trung tâm thí nghiệm kiểm định xây dựng
- Địa chỉ PTN: Số 119 Nguyễn Xiển, phường Khương Đình, Tp. Hà Nội
- Trạm thí nghiệm hiện trường đặt tại xã Thường Tín, Tp. Hà Nội.

2. **Thông tin về năng lực Trạm thí nghiệm hiện trường của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:**

- Dự án: Gói thầu số 11/TP2-XL: Xây dựng đoạn tuyến từ Km48+314,71-Km58+200 dự án thành phần 2.1 thuộc dự án đường Vành đai 4 – Vùng thủ đô Hà Nội; Trường cao đẳng kỹ thuật – công nghệ Bách Khoa, …
- Danh sách nhân sự thí nghiệm: danh sách kèm theo.
- Danh mục thiết bị thí nghiệm chính: danh sách kèm theo.
- Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm và tiêu chuẩn áp dụng: danh sách kèm theo.

Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Hợp Phát chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, trung thực, chính xác của nội dung công bố. Thiết bị thí nghiệm đáp ứng yêu cầu để thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm đã công bố. Thí nghiệm viên có trình độ chuyên môn phù hợp và được bố trí thực hiện đúng các chỉ tiêu đã được công bố.

Trân trọng!

Nơi nhận:
- Sở Xây dựng Hà Nội.
- Lưu văn thư;

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI HỢP PHÁT

M.S.D.N: 0102668816 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI HỢP PHÁT
Q. BẮC TỪ LIÊM T.P HÀ NỘI

PHÓ GIÁM ĐỐC

Đỗ Quang Tiệp

Danh sách nhân sự Trạm thí nghiệm hiện trường

(Kèm theo Công văn số: ...03..../2026/CV-HP ngày 9. tháng 4 năm 2026)

TT	Chức danh – Họ tên	Nhiệm vụ - chức năng	Ghi chú
1	Trưởng PTN – Đỗ Ngọc Thịnh	Phụ trách chung	
2	Trưởng trạm – Phạm Hùng Dũng	Phụ trách chính công tác hiện trường; kiểm tra công tác thực hiện thí nghiệm; thực hiện trực tiếp công tác thí nghiệm.	
3	Nguyễn Đức Tuấn	Thực hiện công tác thí nghiệm	
4	Đoàn Hữu Phạm Tuân	Thực hiện công tác thí nghiệm	
5	Nguyễn Văn Hinh	Thực hiện công tác thí nghiệm	
6	Nguyễn Thiện Quang	Thực hiện công tác thí nghiệm	

Danh mục thiết bị chính Trạm thí nghiệm hiện trường

(Kèm theo Công văn số: ...03.../2026/CV-HP ngày 9. tháng 4 năm 2026)

Stt	Loại thiết bị	Nhãn hiệu/công suất	Số lượng	Ghi chú
Thiết bị đo lường				
1	Bộ sàng vuông D300 cỡ: 50mm; 37,5mm; 25mm; 19mm; 12,5mm; 9,5mm; 4,75mm; 2,36mm; 1,7mm; 1,18mm; 0,6mm; 0,3mm; 0,15mm; 0,09mm; 0,075mm; Đáy	Sàng vuông D300, Trung Quốc	01 bộ	
2	Bộ sàng vuông D200 cỡ: 75mm; 60mm; 50mm; 40mm; 37,5mm; 30mm; 25mm; 20mm;19mm; 15mm; 10mm; 9,5mm; 5mm; 4,75mm; 2,5mm; 2,36mm; 1,25mm; 1,18mm; 1mm; 0,63mm; 0,6mm; 0,5mm; 0,425mm; 0,315mm; 0,3mm; 0,25mm; 0,15mm; 0,14mm, 0,1mm; 0,09mm; 0,075mm, Đáy	Sàng vuông D200, Trung Quốc	01 bộ	
3	Cân 100kg	Việt Nam	1	
4	Cân điện tử 15kg, sai số 0,5g	OHAUS	1	
5	Cân điện tử 15kg, sai số 0,5g	OHAUS	1	
6	Cân điện tử 3200g, sai số 0,01g	OHAUS	1	
7	Thước kẹp thoi dẹt (0-25cm)	Trung Quốc	1	
8	Nhiệt kế điện tử (0-300^{0}C)	Đức	1	
9	Cung lực 30kN	Trung Quốc	1	
10	Cung lực 50kN	Trung Quốc	1	
11	Đồng hồ 0,01mm	Trung Quốc	9	
12	Hộp nhôm	-	10	
13	Khay đựng mẫu, bay, dao trộn mẫu	-	4	
14	Bộ thí nghiệm dao đai	T-tech	1	
15	Bộ thí nghiệm rót cát	T-tech	2	
Thiết bị thí nghiệm vật liệu nền đường, móng đường				
17	Máy đo hệ số thấm đất, cát	Việt Nam	1	
18	Bình tỷ trọng đất	Trung Quốc	6	
19	Bình thủy tinh 100ml, ,250ml,500ml, 1000ml	Trung Quốc	6	
20	Bộ chảy dẻo Casagrander, tấm kính	T-tech	1	
21	Bộ đầm nén Proctor tiêu chuẩn	T-tech	1	
22	Bộ đầm nén Proctor cải tiến	T-tech	1	
23	Bộ thí nghiệm nén dập cốt liệu	T-tech	1	
24	Bộ xác định KLTT cốt liệu nhỏ	T-tech	1	
25	Khuôn CBR, tấm gia tải	T-tech	9	
26	Máy nén CBR	T-tech	1	
27	Thùng đong 1L,2L,5L,10L	T-tech	4	
28	Phễu rót cốt liệu nhỏ	T-tech	1	
29	Phễu rót cốt liệu lớn	T-tech	1	

Stt	Loại thiết bị	Nhãn hiệu/công suất	Số lượng	Ghi chú
30	Bộ thiết bị đo E nền đường bằng tấm ép cứng	T-tech	1	
Thiết bị thí nghiệm bê tông, thép và vữa				
31	Máy nén bê tông TYA-2000	Trung Quốc	1	
32	Máy kéo, uốn đa năng (thép, vữa, xi măng)	Trung Quốc	1	
33	Bộ gối uốn thép	Việt Nam	1	
34	Máy cắt thép, bê tông	Trung Quốc	1	
35	Máy trộn bê tông	Việt Nam	1	
36	Máy LosAngeles	Trung Quốc	1	
37	Khuôn BT lập phương 15x15cm	T-tech	54	
38	Khuôn bê tông trụ 15x30cm	T-tech	54	
39	Bộ côn sụt	T-tech	2	
40	Máy khoan rút lõi	Trung Quốc	1	
Thiết bị thí nghiệm nhựa đường và bê tông nhựa				
41	Tủ sấy (0-300^{0}C)	Trung Quốc	1	
42	Lò nung	Trung Quốc	1	
43	Bể ổn nhiệt	T-tech	1	
44	Bộ chày đầm Marshall thủ công	T-tech	1	
45	Khuôn đúc mẫu Marshall	T-tech	3	
46	Máy nén Marshall	T-tech	1	
47	Máy chiết tách bê tông nhựa	T-tech	1	
48	Bộ cân thủy tĩnh	T-tech	1	
49	Máy hút chân không	Trung Quốc	1	
50	Bếp cách cát	Trung Quốc	1	
51	Cần Benkeman	T-tech	1	
52	Thước 3m	T-tech	1	
53	Bộ rắc cát	T-tech	1	
54	Bộ máy giãn dài nhựa	Trung Quốc	1	
55	Bộ xác định điểm chớp cháy nhựa	T-tech	1	
56	Bộ máy kim lún nhựa (Cơ)	T-tech	1	
57	Bộ máy hóa mềm nhựa (Cơ)	T-tech	1	
58	Máy cắt bê tông nhựa	Trung Quốc	1	
59	Kích thủy lực tháo mẫu BTN	T-tech	1	
Thiết bị thí nghiệm xi măng				
60	Bộ dụng cụ kim Vica	T-tech	1	
61	Máy trộn vữa xi măng	T-tech	1	
62	Máy dằn vữa xi măng	T-tech	1	
63	Khuôn Chaterlier (độ ổn định thể tích)	T-tech	3	
64	Bình tỷ trọng xi măng (có bầu)	T-tech	2	
65	Khuôn vữa 40x40x160mm	T-tech	4	
66	Bộ gá nén vữa xi măng	Trung Quốc	1	

Danh mục phép thử tại Trạm thí nghiệm hiện trường

(Kèm theo Công văn số: ...03..../2026/CV-HP ngày ..9.. tháng 4 năm 2026)

TT	Tên phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG	
1	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605:2023
2	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011
3	XĐ độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015
	HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
4	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022
5	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:1993
6	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:2022
7	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:2022
	VẬT LIỆU CÁT, ĐÁ DĂM (SỎI), CẤP PHỐI	
8	Thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2; AASHTO T27
9	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006; AASHTO T84; AASHTO T85
10	XĐ khối lượng riêng; KL thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006
11	Xác định khối lượng thể tích, độ xốp và độ hổng	TCVN 7572-6: 2006; ASTM C29
12	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7: 2006
13	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006; TCVN 344:1986
14	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006
15	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006; TCVN 10324:2014
16	XĐ độ nén dập trong xi lanh và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006
17	XĐ độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy (Los Angeles)	TCVN 7572-12:2006; AASHTO T96
18	XĐ hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN7572-13:2006
19	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN7572-17:2006; AASHTO T112
20	Xác định hàm lượng hạt bị dập vỡ	TCVN 7572-18:2006
21	Xác định hàm lượng vật liệu nhỏ hơn 0,075 mm bằng phương pháp rửa	AASHTO T11
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG	
22	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012

TT	Tên phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật
23	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012
24	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012
25	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014
26	Xác định độ chặt đầm nén tiêu chuẩn	TCVN 4201:12; 22TCN 333-06; TCVN 12790:2020
27	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:12
28	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR)- Trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:2020
29	Xác định hàm lượng hữu cơ của đất	TCVN 8726:12; AASHTO T267
30	Xác định tổng lượng muối dễ hòa tan trong đất	TCVN 9436:2012
	KIỂM TRA THÉP XÂY DỰNG	
31	Thử kéo	TCVN 197:2014
32	Thử uốn	TCVN 198:08
	BÊ TÔNG NHỰA, BỘT KHOÁNG	
33	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011
34	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy li tâm	TCVN 8860-2:11
35	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:11
36	Xác định tỉ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:11
37	Xác định tỉ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái đầm nén	TCVN 8860-5:11
38	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:11
39	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:11
40	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:11
41	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:11
42	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:11
43	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:11
44	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:11
45	Bột khoáng dùng cho hỗn hợp đá trộn nhựa: Xác định thành phần hạt, độ ẩm, hệ số thích nước	TCVN 12884-2:2020
46	Phương pháp xác định hệ số đương lượng cát (ES) của đất và cốt liệu	AASHTO T176
	NHỰA BITUM	
47	Xác định độ kim lún ở 25°C	TCVN 7495:0
48	Xác định độ kéo dài ở 25°C	TCVN 7496:05
49	Xác định nhiệt độ hóa mềm (PP vòng và bi)	TCVN 7497:05

TT	Tên phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật
50	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498:05
51	Xác định lượng tổn thất sau khi đun nóng ở 163°C trong 5h	TCVN 7499:05
52	Xác định lượng hòa tan của nhựa trong tricloretylen	TCVN 7500:05
53	Xác định khối lượng riêng ở 25°C	TCVN 7501:05
54	Xác định độ dính bám với đá	TCVN 7504:05
	THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG	
55	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng PP dao đai	22 TCN 02-71
56	Độ ẩm; Khối lượng TT của đất trong lớp kết cấu bằng PP rót cát	ASHTO-T191
57	Xác định modul đàn hồi "E"nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:11
58	XĐ môđun đàn hồi "E"chung của áo đường bằng cần Benkelman	TCVN 8867:11
59	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:11
60	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:11
61	Thí nghiệm Bentonite, Polymer: Xác định khối lượng riêng, độ nhớt, hàm lượng cát, độ pH	TCVN 11893:17
	THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG	
62	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:22
63	Vữa xi măng khô trộn sẵn xác định độ chảy, độ tách nước, thay đổi chiều cao cột vữa trong quá trình đông kết, xác định thay đổi chiều dài vữa đóng rắn	TCVN 9204:12
64	Vữa chèn cáp dự ứng lực: Xác định lượng vón cục, độ chảy, độ chảy lan tỏa, độ tách nước, thay đổi thể tích trong quá trình đông kết, thời gian đông kết, cường độ nén	TCVN 11971:2018